

Số: 79-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 1993

NGHỊ ĐỊNH

**CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 79-CP NGÀY 6-11-1993 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN
CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Luật Xuất bản ngày 7 tháng 7 năm 1993;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin.*

NGHỊ ĐỊNH :

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hoạt động xuất bản quy định tại Luật Xuất bản gồm các lĩnh vực sản xuất, in, phát hành.

Xuất bản phẩm gồm các loại hình: sách, tài liệu, tranh ảnh, áp phích, catalô, tờ rời, tờ gấp, lịch, bản đồ, át lát, bản nhạc, cờ, truyền đơn, khẩu hiệu, câu đối, cuốn thư, băng âm thành, đĩa âm thành, băng hình, đĩa hình thay sách hoặc kèm theo sách.

Điều 2. Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản, trừ trường hợp nội dung tác phẩm có dấu hiệu vi phạm Điều 22 Luật Xuất bản.

Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm thực hiện việc kiểm duyệt và quyết định biện pháp xử lý.

Điều 3. Tác giả nói tại Luật Xuất bản là cá nhân, tổ chức sáng tạo ra tác phẩm về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được phổ biến dưới hình thức xuất bản phẩm bằng các thể loại: sáng tác, phóng tác, chuyển thể, biên soạn, tuyển chọn, nghiên cứu, dịch thuật.

Tác giả có quyền phổ biến tác phẩm thông qua nhà xuất bản, đứng tên xuất bản phẩm; hưởng nhuận bút theo hợp đồng với nhà xuất bản; cho người khác sử dụng, sửa chữa, chú thích, dịch, chuyển thể, để thừa kế tác phẩm của mình và hưởng các quyền khác theo quy định về quyền tác giả.

Nhà nước bảo hộ quyền tác giả.

Tác giả có quyền khiếu nại với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, khởi kiện trước Toà án khi quyền tác giả bị vi phạm.

Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung tác phẩm của mình trước pháp luật.

Điều 4. Nhà nước bảo đảm quyền sáng tạo, phổ biến tác phẩm và hưởng thụ xuất bản phẩm của công dân, tổ chức bằng các chính sách:

1. Cấp ngân sách để trợ giá, đặt hàng đối với các tác phẩm có giá trị về lý luận chính trị, văn học - nghệ thuật, khoa học công nghệ, nghiên cứu khoa học; truyền thống cách mạng; đối với xuất bản phẩm phục vụ các dân tộc thiểu số, thiếu nhi, lực lượng vũ trang, vùng núi, hải đảo, vùng xa xôi hẻo lánh và những xuất bản phẩm quan trọng phục vụ nhiệm vụ đối ngoại.

2. Cấp một phần vốn lưu động theo chế độ quy định phù hợp với đặc điểm hoạt động của các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành.

3. Áp dụng cước phí ưu đãi đối với vận chuyển xuất bản phẩm đến miền núi, hải đảo, vùng xa xôi hẻo lánh và phục vụ nhiệm vụ đối ngoại.

4. Đầu tư theo quy hoạch để tăng cường cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại đối với các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành.

5. Đầu tư ngân sách để khôi phục và nâng cấp hệ thống thư viện Nhà nước, bổ sung vốn sách cho thư viện.

7. Khen thưởng tinh thần và vật chất đối với các tác giả của xuất bản phẩm có giá trị cao.

Bộ Văn hoá - Thông tin cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Bưu điện, Ban Vật giá Chính phủ, các Bộ, ngành hữu quan có trách nhiệm cụ thể hoá việc thực hiện các chính sách ghi tại Điều này và đưa vào kế hoạch ngân sách hàng năm.

Chương 2:

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

Mục I. XUẤT BẢN

Điều 5. Việc thành lập nhà xuất bản, cơ sở sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình (dưới đây gọi chung là nhà xuất bản) phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản.

Muốn thành lập nhà xuất bản, người đứng đầu cơ quan chủ quản phải có hồ sơ gửi Bộ Văn hoá - Thông tin. Hồ sơ gồm có:

1. Đơn xin thành lập nhà xuất bản, cần ghi rõ:

- Tên cơ quan chủ quản;

- Tên người đứng đầu cơ quan chủ quản hoặc người được uỷ quyền thay mặt cơ quan chủ quản chỉ đạo và quản lý trực tiếp nhà xuất bản;

- Tên nhà xuất bản;

- Tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, phạm vi phát hành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản;

- Trụ sở của nhà xuất bản;

- Vốn và nguồn vốn của nhà xuất bản được cơ quan tài chính xác nhận.

2. Danh sách Giám đốc, Tổng biên tập kèm theo lý lịch và ảnh, số lượng biên tập viên.

Đối với các tổ chức, cơ quan Nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xin thành lập nhà xuất bản, phải có thêm ý kiến đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 6.- Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm phối hợp với các Hội văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, cơ quan hữu quan quy định các loại tác phẩm cần thẩm định nội dung trong các tác phẩm trước cách mạng Tháng Tám, trong vùng bị tạm chiếm cũ và sách dịch của nước ngoài.

Muốn xuất bản, tái bản các tác phẩm đã quy định cần thẩm định nội dung, nhà xuất bản, cơ quan chủ quản phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thảo gửi Bộ Văn hoá - Thông tin xem xét, quyết định.

Điều 7.

1. Bộ Văn hoá - Thông tin tham khảo ý kiến của các tổ chức tôn giáo lựa chọn và quy định một số nhà xuất bản trung ương và địa phương ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và miền Trung có nhiệm vụ xuất bản kinh bản và các tác phẩm tôn giáo của các tổ chức tôn giáo một cách thuận tiện.

2. Việc xuất bản tác phẩm của các tổ chức thuộc trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có nhà xuất bản do nhà xuất bản Trung ương hoặc địa phương có tôn chỉ mục đích tương ứng đảm nhiệm.

3. Việc xuất bản tài liệu, công trình nghiên cứu, giáo trình lưu hành nội bộ của các tổ chức, cơ quan Nhà nước, trường đại học, trung học và dạy nghề do các nhà Xuất bản Trung ương và địa phương có tôn chỉ mục đích tương ứng đảm nhiệm.

Trường hợp nhà xuất bản không đảm nhiệm được, mà các tài liệu đó không nhằm mục đích kinh doanh, Bộ Văn hoá - Thông tin xem xét và các giấy phép xuất bản hoặc Sở Văn hoá - Thông tin xem xét, cấp giấy phép xuất bản (nếu là tài liệu của địa phương).

4. Sở Văn hoá - Thông tin được cấp giấy phép xuất bản các tài liệu không nhằm mục đích kinh doanh thuộc địa phương bao gồm tài liệu tuyên truyền cổ động, hướng dẫn thi hành các Chỉ thị, Nghị quyết, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; giới thiệu sản phẩm, hướng dẫn sử dụng hàng hoá; kỷ yếu hội nghị, hội thảo.

5. Việc in, nhân bản các đề cương báo cáo, dự thảo báo cáo; tài liệu hướng dẫn dùng cho các cuộc hội thảo, hội nghị; thông báo khoa học, tóm tắt luận án tiến sĩ, phó tiến sĩ để bảo vệ không phải xin phép, khi đưa in phải có đủ các thủ tục quy định tại Điều 20 của Nghị định này.

Người đứng đầu cơ quan chủ trì hội nghị, hội thảo, người đứng đầu tổ chức bảo vệ luận án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, phạm vi lưu hành, đối tượng sử dụng.

Điều 8. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được bản thảo, nhà xuất bản phải trả lời cho tác giả. Việc xuất bản, tái bản, phải ký hợp đồng với tác giả. Hợp đồng xuất bản phải ghi rõ thời gian xuất bản, số bản in, quyền lợi, trách nhiệm của tác giả và nhà xuất bản; thời gian được giữ quyền xuất bản của nhà xuất bản.

Điều 9. Chậm nhất 30 ngày kể từ khi nhận được kế hoạch xuất bản đã được cơ quan chủ quản phê duyệt, Bộ Văn hoá - Thông tin xem xét và cấp giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản.

Nghiêm cấm việc chuyển nhượng giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản hoặc giấy phép xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 10. Đối với việc xuất bản từng tác phẩm, nhà xuất bản có thể huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong nước để in, phát hành xuất bản phẩm thông qua hợp đồng và phải được ghi rõ trong kế hoạch xuất bản đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước về xuất bản có thẩm quyền.

Điều 11. Việc hợp tác với nước ngoài về xuất bản, in, phát hành được tiến hành trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam ký kết với Chính phủ các nước hoặc các tổ chức phi Chính phủ. Tổ chức quốc tế hoặc được Chính phủ Việt Nam uỷ quyền cho cơ quan có thẩm quyền ký kết.

Hình thức hợp tác xuất bản, in, phát hành bao gồm:

- Hợp tác giữa nhà xuất bản trong nước với nhà xuất bản nước ngoài để xuất bản, in tác phẩm của mỗi bên;
- Hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ để in và phát hành xuất bản phẩm Việt Nam ở nước ngoài, xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam;
- Hợp tác về in gia công cho nước ngoài;
- Tổ chức triển lãm xuất bản phẩm Việt Nam ở nước ngoài và xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam.

Kế hoạch hợp tác với nước ngoài về xuất bản, in, phát hành phải được Bộ Văn hoá - Thông tin cho phép.

Điều 12. Xuất bản phẩm trên giấy phải ghi:

1. Đối với sách phải ghi:

Bìa 1: Tác giả, tên sách, nhà xuất bản.

Trang 1: Tên tác giả, tên sách; tên người dịch, người hiệu đính (nếu là sách dịch); số thứ tự của lần tái bản, nhà xuất bản, năm xuất bản.

Đối với xuất bản phẩm lưu hành nội bộ phải ghi rõ "lưu hành nội bộ".

Đối với sách dịch trang 2 phải ghi: Tên nguyên bản, tác giả, nhà xuất bản nước ngoài, năm xuất bản;

Nếu dịch từ ngôn ngữ khác với ngôn ngữ nguyên bản phải ghi rõ tên ngôn ngữ đó, nhà xuất bản, năm xuất bản.

Trang cuối sách: Tên người chịu trách nhiệm xuất bản, người biên tập nội dung, người biên tập kỹ thuật, người biên tập mỹ thuật, người trình bày bìa, người minh hoạ, người sửa chữa bản in, số lượng in, số giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản; cơ sở in, chế bản, ngày in xong, ngày nộp lưu chiểu.

Bìa 4: Giá bán lẻ; mã số phân loại; có thể giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản.

Việc trình bày bìa và minh hoạ phải phù hợp với nội dung tác phẩm.

2. Đối với các xuất bản phẩm từ rời phải ghi: tên tác giả, tên xuất bản phẩm, nhà xuất bản hoặc tổ chức được phép xuất bản, số bản in, nơi in, số giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản, giá bán lẻ.

3. Đối với xuất bản phẩm là băng âm thành, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình phải ghi trên nhãn băng, đĩa: tên xuất bản phẩm, nhà xuất bản, tên chương trình gốc; tên người chịu trách nhiệm xuất bản, người biên tập chương trình, số giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản, số bản in, ngày in xong, ngày nộp lưu chiểu, giá bán lẻ, mã số phân loại.

1. Trong thời hạn hai ngày kể từ khi in xong, cơ sở in của trung ương và địa phương phải nộp lưu chiểu 1 bản cho Bộ Văn hoá - Thông tin, 1 bản cho Sở Văn hoá - Thông tin sở tại.

2. Trong thời hạn bảy ngày trước khi phát hành xuất bản phẩm, nhà xuất bản, tổ chức được phép xuất bản phải nộp lưu chiểu 3 bản cho Bộ Văn hoá - Thông tin theo phương thức chuyển phát nhanh, 4 bản cho Thư viện Quốc gia (những xuất bản phẩm in dưới 300 bản chỉ nộp 1 bản);

Đối với các nhà xuất bản địa phương, các tổ chức, cơ quan Nhà nước của địa phương được phép xuất bản, ngoài việc nộp cho Bộ Văn hoá - Thông tin và thư viện, còn phải nộp cho Sở Văn hoá - Thông tin 2 bản.

3. Trong thời hạn 7 ngày trước khi phát hành, cơ quan nhập khẩu xuất bản phẩm để phát hành phải nộp lưu chiểu 1 bản cho Bộ Văn hoá - Thông tin; 1 bản cho Sở Văn hoá - Thông tin nơi nhập khẩu xuất bản phẩm.

Bộ Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm nhận lưu chiểu và kiểm tra kịp thời nội dung xuất bản phẩm trong cả nước;

Sở Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm nhận lưu chiểu và kiểm tra kịp thời nội dung xuất bản phẩm của nhà xuất bản, của các tổ chức thuộc địa phương và các xuất bản phẩm in tại địa phương.

Điều 14. Trên xuất bản phẩm nộp lưu chiểu phải đóng dấu "Lưu chiểu", dấu của cơ quan và chữ ký của người có thẩm quyền kèm theo tờ khai do Bộ Văn hoá - Thông tin quy định.

Mục 2. IN

Điều 15. Cơ sở in, nhân bản quy định tại Luật Xuất bản bao gồm: in typô, ópxét, in lõm (ống đồng), in lưới (in lụa), in flêxô, in laze, in khắc gỗ, in roneo, chế bản, đúc chữ, sắp chữ, phân màu, đóng xén, ép nhũ; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị ngành in; sản xuất và sửa chữa cơ khí ngành in, sản xuất vật liệu in, dạy nghề in; in sang băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình; photocopy, sau đây gọi chung là cơ sở in, nhân bản.

Điều 16. Muốn thành lập cơ sở in, nhân bản là doanh nghiệp Nhà nước, người đứng đầu cơ quan chủ quản phải có hồ sơ xin thành lập gửi Bộ Văn hoá - Thông tin. Hồ sơ gồm có:

1. Đơn xin thành lập trong đó ghi rõ:

- Tên cơ quan đề nghị thành lập;
- Tên gọi, trụ sở của doanh nghiệp in;
- Vốn và nguồn vốn, có chứng nhận của cơ quan tài chính;
- Mục đích, ngành nghề kinh doanh.

2. Luận chứng kinh tế - kỹ thuật về thành lập doanh nghiệp in, kèm theo văn bản phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

3. Đề án kinh doanh và dự thảo Điều lệ tổ chức của doanh nghiệp in;

4. Danh sách Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng kèm theo lý lịch và ảnh.

Điều 17. Cơ sở in, nhân bản của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, xã hội không phải là doanh nghiệp in Nhà nước chỉ được in, nhân bản các tài liệu phục vụ nội bộ. Việc thành lập cơ sở in, nhân bản nói tại Điều này do Bộ Văn hoá - Thông tin quy định.

Điều 18. Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, muốn hoạt động kinh doanh các nghề ép nhũ, in roneo, photocopy, in lưới (in lụa) thủ công, in khắc gỗ, đóng xén, vật tư ngành in, sản xuất và sửa chữa cơ khí ngành in, sản xuất vật liệu in; dạy nghề in, nhân bản phải được Sở Văn hoá - Thông tin cho phép theo điều kiện và quy chế hoạt động do Bộ Văn hoá - Thông tin quy định.

Cơ sở in, nhân bản của cá nhân, tập thể kinh doanh các nghề nói trên không được in, nhân bản tem, nhãn sản phẩm, các giấy tờ có giá trị như tiền, thu tiền, thanh toán tiền (séc, tín phiếu, vé cước, hoá đơn, biên lai thu chi...), các loại giấy tờ quản lý chuyên ngành của tổ chức, cơ quan Nhà nước, các xuất bản phẩm ghi tại Điều 1 Nghị định này.

Điều 19. Cơ sở in, nhân bản chỉ được in, nhân bản xuất bản phẩm theo quy định sau đây:

1. Đối với xuất bản phẩm, nhãn băng âm thanh, băng hình, đĩa âm thanh, đĩa hình của các nhà xuất bản phải có giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản của Bộ Văn hoá - Thông tin.

2. Đối với tài liệu xuất bản không nhằm mục đích kinh doanh; tài liệu, công trình nghiên cứu, giáo trình lưu hành nội bộ của các tổ chức, cơ quan Nhà nước thuộc Trung ương phải có giấy phép xuất bản do Bộ Văn hoá - Thông tin cấp.

3. Đối với tài liệu xuất bản không nhằm mục đích kinh doanh, tài liệu, công trình nghiên cứu, giáo trình lưu hành nội bộ của các tổ chức, cơ quan Nhà nước ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có giấy phép xuất bản do Sở Văn hoá - Thông tin cấp.

Điều 20. Việc in, nhân bản các sản phẩm khác được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đối với báo, tạp chí, tập san định kỳ phải có giấy phép của Bộ Văn hoá - Thông tin (xuất trình một lần bản gốc và lưu bản sao tại nhà in).

2. Đối với nhãn sản phẩm và bao bì phải có giấy đăng ký kinh doanh theo ngành hàng, giấy giới thiệu của cơ sở sản xuất đứng tên trên nhãn sản phẩm hoặc bao bì. Bản mẫu đưa in phải có dấu và chữ ký của người có tư cách pháp nhân đứng tên xin in.

Ngoài ra, những ấn phẩm dưới đây còn phải tuân theo các quy định:

- Đối với nhãn sản phẩm, hàng hoá thuộc danh mục bắt buộc đăng ký chất lượng theo quy định của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phải có số đăng ký chất lượng do cơ quan Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có thẩm quyền cấp; số đăng ký này phải được in trên nhãn sản phẩm.

- Đối với nhãn sản phẩm, hàng hoá thuộc danh mục bắt buộc có chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) phải được Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam.

- Đối với nhãn sản phẩm là hoá dược hay thuốc chữa bệnh còn phải có giấy cho phép sản xuất do Bộ Y tế hoặc Sở Y tế cấp theo thẩm quyền được Bộ Y tế phân cấp.

- Đối với các tài liệu ghi tại điểm 3, Điều 7 Nghị định này, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, có giá trị thu tiền, thanh toán và các loại giấy tờ quản lý chuyên ngành của tổ chức, cơ quan Nhà nước, phải có giấy đặt in của tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bản mẫu đưa in phải có dấu và chữ ký của người đứng đầu cơ quan. Phải có hợp đồng giữa cơ sở in với người được uỷ quyền ký hợp đồng đặt in. Chỉ những doanh nghiệp in Nhà nước được Bộ Văn hoá - Thông tin hoặc Sở Văn hoá - Thông tin chỉ định mới được in những loại giấy tờ nói trên.

Điều 21. Việc xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị ngành in phải được Bộ Văn hoá - Thông tin cho phép.

Mục 3. PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

Điều 22. Muốn thành lập tổ chức phát hành Nhà nước, người đứng đầu cơ quan chủ quản phải có hồ sơ xin thành lập gửi Bộ Văn hoá - Thông tin. Hồ sơ gồm có:

1. Đơn xin thành lập phải ghi rõ:

- Tên cơ quan chủ quản;

- Tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ của tổ chức phát hành;

- Trụ sở;

- Vốn và nguồn vốn, có chứng nhận của cơ quan tài chính.

2. Luận chứng kinh tế - kỹ thuật về thành lập tổ chức phát hành; kèm theo văn bản phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Đề án kinh doanh và dự thảo Điều lệ của tổ chức phát hành;

4. Danh sách Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng, kèm theo lý lịch và ảnh.

Điều 23. Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, tổ chức có vốn, có địa điểm kinh doanh, muốn làm đại lý, mở cửa hàng bán, cho thuê xuất bản phẩm, mua bán sách cũ; nhà xuất bản mở cửa hàng để tuyên truyền, giới thiệu, bán xuất bản phẩm của mình, làm đại lý bán xuất bản phẩm của các nhà xuất bản khác phải được Sở Văn hoá - Thông tin sở tại cho phép.

Điều 24. Đại lý, cửa hàng chỉ được nhận xuất bản phẩm có hoá đơn của tổ chức phát hành Nhà nước, nhà xuất bản và phải bán đúng giá quy định ghi trên xuất bản phẩm.

Nghiêm cấm đại lý, cửa hàng phát hành và cho thuê những xuất bản phẩm có nội dung vi phạm Điều 20 và Điều 22 Luật Xuất bản; những xuất bản phẩm đã có lệnh thu hồi, cấm lưu hành, tiêu huỷ.

Điều 25. Việc xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm phải được Bộ Văn hoá - Thông tin cho phép.

Việc xuất khẩu, nhập khẩu các xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh do Bộ Văn hoá - Thông tin quy định.

Nghiêm cấm việc xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm có nội dung vi phạm Điều 22 Luật Xuất bản.

Chương 3:

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XUẤT BẢN

Điều 26. Cục Xuất bản là cơ quan chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin thực hiện việc quản lý Nhà nước về các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành trong cả nước.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Xuất bản do Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin quy định.

Điều 27. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Văn hoá - Thông tin do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định theo sự phân cấp của Bộ Văn hoá - Thông tin.

Tại một số địa bàn quan trọng, Bộ trưởng Bộ Văn hoá - thông tin có thể giao thêm cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Văn hoá - Thông tin nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước về xuất bản trên địa bàn, lãnh thổ.

Điều 28. Nhà xuất bản, cơ sở in, tổ chức phát hành và các tổ chức, cơ quan Nhà nước, cá nhân khác có thành tích trong các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Chính phủ tặng giải thưởng cho xuất bản phẩm có giá trị cao qua việc xét chọn trong từng thời gian nhất định.

Điều 29. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Luật Xuất bản bị xử phạt hành chính như sau:

1. Phạt tiền từ 500.000 (năm trăm ngàn) đồng đến 2.000.000 (hai triệu) đồng; nếu có tình tiết tăng nặng thì có thể phạt đến 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với hành vi xuất bản, in, nhân bản, phát hành xuất bản phẩm đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành hoặc phải tiêu huỷ; xuất bản phẩm có nội dung vi phạm Điều 22 Luật Xuất bản.

2. Phạt từ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đến 1.000.000 (một triệu) đồng; nếu có tình tiết tăng nặng thì có thể phạt đến 5.000.000 (năm triệu) đồng đối với các hành vi xuất bản, in, nhân bản, phát hành không có giấy phép, chuyển nhượng giấy phép; thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép; sửa chữa, tẩy xoá giấy phép.

3. Phạt từ 50.000 (năm mươi ngàn) đồng đến 200.000 (hai trăm ngàn) đồng; nếu có tình tiết tăng nặng thì có thể phạt đến 1.000.000 (một triệu) đồng đối với các hành vi vi phạm quy định về nộp lưu chiểu xuất bản phẩm; cản trở việc xuất bản, in, nhân bản, phát hành xuất bản phẩm hợp pháp; không tuân thủ các quy định ghi trên xuất bản phẩm quy định tại Điều 20 Luật Xuất bản và Điều 12 của Nghị định này.

4. Đối với các hành vi ghi tại khoản 1, 2, 3 của Điều này nếu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc tái phạm có thể bị phạt từ 1 đến 3 lần số lợi thu bất chính.

5. Ngoài việc bị xử phạt theo quy định tại các điểm 1, 2, 3, 4 của Điều này, tùy theo mức độ vi phạm tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị đình chỉ hoạt động xuất bản, thu hồi giấy phép, tịch thu phương tiện vi phạm, tịch thu, tiêu huỷ xuất bản phẩm hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 30. Việc xử lý các vi phạm hành chính quy định tại Điều 31 của Nghị định này theo thẩm quyền, thủ tục đã được quy định tại các Điều 33 và 34 Luật Xuất bản và Chương II, Chương IV Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính ngày 30 tháng 11 năm 1989.

Chương 4:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Bộ Văn hoá - Thông tin quy hoạch lại toàn bộ hệ thống tổ chức nhà xuất bản, cơ sở in, tổ chức phát hành trong cả nước; ban hành quy chế hoạt động của nhà xuất bản, các loại cơ sở in, tổ chức phát hành; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; tăng cường tổ chức và biện pháp quản lý Nhà nước để phát huy vai trò của hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy hoạch lại hệ thống tổ chức xuất bản, in, phát hành tại địa phương theo quy hoạch chung của Trung ương; tăng cường tổ chức và biện pháp quản lý Nhà nước trên địa bàn, lãnh thổ.

Điều 32. Đối với nhà xuất bản, doanh nghiệp in, tổ chức phát hành Nhà nước, cơ sở in, nhân bản, phát hành của công dân, tập thể, tổ chức thành lập và hoạt động trước khi ban hành Luật Xuất bản đều phải đăng ký lại. Bộ Văn hoá - Thông tin, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào quy hoạch chung, điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Luật Xuất bản và Nghị định này, quyết định việc cấp lại giấy phép hoạt động.

Điều 33. Bộ Văn hoá - Thông tin cùng các Bộ, ngành hữu quan có trách nhiệm cụ thể hoá việc thực hiện các chính sách đối với hoạt động xuất bản, bảo đảm quyền sáng tạo và phổ biến tác phẩm, quyền hưởng thụ xuất bản phẩm của công dân, tổ chức quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 34. Bộ Văn hoá - Thông tin cùng với Bộ Ngoại giao có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định về việc phổ biến tác phẩm của công dân, tổ chức Việt Nam ra nước ngoài và việc xuất bản, in, phát hành của tổ chức, người nước ngoài ở Việt Nam.

Điều 35. Những quy định của Chính phủ trước đây trái với Luật Xuất bản và Nghị định này đều bãi bỏ.

Võ Văn Kiệt

(Đã ký)